TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2024/DS-PT
Ngày: 07-8-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966;

2. Ông Trần Trung H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C và ông H: Ông Nguyễn Văn G, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn G thuộc Đoàn luật sư tỉnh L.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn H1 (tên thường gọi H D), sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Tấn T (tên thường gọi K), sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Văn C và ông Trần Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn ông Trần Trung H cùng những lời trình bày của ông Ngô Công B là người đại diện theo ủy quyền như sau:

Từ ngày 21 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 02 năm 2021, ông H có điện thoại cho ông Nguyễn Văn H1 (H D) nhờ ông kéo và bán tôm. Cụ thể như sau:

Vào ngày 26 tháng 01 năm 2021, ông Nguyễn Văn T2 (K) đến đầm tôm của ông H để bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 là anh ruột của lên vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cân được 722,3 kg bán thành tiền là 193.850.000 đồng. Vựa thu mua tôm đã thanh toán tiền cho ông T2.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, ông T2 đến bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 đến vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cân được 676,9 kg bán thành tiền là 189.370.000 đồng. Vựa thu mua tôm đã thanh toán tiền cho ông T2.

Ngày 30 tháng 01 năm 2021, ông T2 đến bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 đến vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cân được 439,4kg bán thành tiền là 109.950.000đồng. Vựa thu mua tôm đã thanh toán tiền cho ông T2. Tổng số tiền ông T2 bán tôm của ông H là 493.170.000 đồng. Ông H xác định chỉ trực tiếp làm ăn với ông H1 và các lần mua bán tôm trước đây ông H1 là người trực tiếp thanh toán tiền tôm cho ông H như vào ngày 24 tháng 01 năm 2021 ông T2 bán tôm cho ông H được khoảng 109.000.000 đồng và ông T2 giao tiền cho ông H1, ông H1 là người trực tiếp thanh toán tiền bán tôm cho ông H. Tuy nhiên ông H1 đã không thanh toán số tiền bán tôm là 493.170.000 đồng cho ông H. Từ đó ông H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 hoàn trả lại số tiền bán tôm là 493.170.000 đồng và số tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm từ ngày vi phạm là ngày 20 tháng 01 năm 2021 đến ngày 21 tháng 11 năm 2022 là 90.250.000 đồng và tiếp tục trả tiền chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án trên số tiền gốc là 493.170.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2022 của nguyên đơn ông Trần Văn C cùng lời trình bày của ông Ngô Công B là người đại diện theo ủy quyền như sau:

Từ ngày 21 tháng 01 năm 2021 đến ngày 05 tháng 02 năm 2021 ông C có điện thoại cho ông Nguyễn Văn H1 nhờ ông H1 kéo và bán tôm. Cụ thể:

Ngày 23 tháng 01 năm 2021, ông T2 đến bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 là em vợ của ông C đến bán tôm tại vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1,

huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bán cân được 664 kg, thành tiền là 190.670.000 đồng. Vựa thu mua tôm thanh toán tiền trực tiếp cho ông T2.

Ngày 30 tháng 01 năm 2021, ông T2 đến bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 đến bán tôm tại vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bán cân được 359,9kg, thành tiền là 97.800.000đồng. Vựa thu mua tôm thanh toán tiền trực tiếp cho ông T2. Tổng số tiền ông T2 bán tôm cho ông C là 288.470.000đồng. Ông C xác định chỉ trực tiếp làm ăn với ông H1 và các lần mua bán tôm trước đây ông H1 là người trực tiếp thanh toán tiền tôm cho ông C như trước đây ông H1 có thanh toán tiền bán tôm cho ông C vào các ngày 21 tháng 4 năm 2021 thanh toán số tiền khoảng 134 triệu đồng, ngày 24 tháng 01 năm 2021 ông H1 thanh toán số tiền khoảng 297.000.000 đồng và ngày 05 tháng 02 năm 2021 ông H1 thanh toán số tiền bán tôm khoảng 105.000.000 đồng. Tuy nhiên ông H1 đã không thanh toán số tiền bán tôm cho ông C vào ngày 23 tháng 01 năm 2021 và ngày 30 tháng 01 năm 2021 với tổng số tiền là 288.470.000 đồng. Vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 hoàn trả lại toàn bộ số tiền nợ tôm là 288.470.000 đồng và số tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm từ ngày vi phạm là ngày 21 tháng 01 năm 2021 đến ngày 21 tháng 11 năm 2022 là 52.790.000 đồng và tiếp tục trả số tiền chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án trên với số nợ gốc là 288.470.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 (H) có lời trình bày như sau: Ông H1 là người chuyên kéo tôm và chở tôm khi các chủ đầm tôm bán tôm. Khi ông C muốn bán tôm thì ông Nguyễn Tấn T (K) là người điện thoại cho ông H1 thông báo cần người bắt tôm và chở tôm đi bán ở các vựa thu mua tôm. Lúc đó ông H1 mới gọi điện thoại cho các anh em mang cào và xe đến đầm tôm để kéo tôm và chở tôm đi lên các vựa thu mua tôm. Do ông T bán tôm giá cao nên ông C mới kêu ông T đi bán tôm ở các vựa thu mua tôm. Ông C trực tiếp liên lạc với ông T để bán tôm. Việc bán tôm ở vựa thu mua tôm như thế nào thì ông H1 không biết mà do ông T và chủ đầm tôm trực tiếp thỏa thuận giá bán và chủ vựa thu mua tôm trả tiền trực tiếp cho ông T, có khi trả tiền cho chủ đầm tôm nếu chủ đầm tôm có đi cùng ông T. Sau đó ông T về tính tiền cào, tiền xe và tiền chở tôm đưa lại cho ông H1 và ông H1 đưa lại tiền chở cho những anh em bắt tôm, chở tôm. Ông H1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, ông H vì tiền bán tôm do ông T là người trực tiếp nhận tiền từ chủ vựa thu mua tôm nhưng không trả lại cho ông C và ông H. Trong quá trình điều tra tại Công an thì ông T cũng thừa nhận số tiền trên do ông T chiếm lấy không trả cho ông C và ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tấn T (K) có lời trình bày: Ông T làm công việc bắt tôm và chở tôm lên các vựa thu mua tôm để bán. Trước đây ông T làm chung nhóm anh em với X là con trai của ông Nguyễn Văn H1. Khi X bị bệnh thì ông T là người trực tiếp đi bán tôm tại các vựa thu mua tôm, ông T nhận tiền trực tiếp từ chủ vựa rồi về đưa lại cho chủ đầm tôm sau khi tính tiền cào, kéo tôm cho ông H1. Trước đây ông T thường xuyên đi bán tôm cho ông H2, ông T1 là anh em của ông C. Nên khi ông C muốn bán tôm thì ông T gọi người vào kéo tôm và chở tôm lên các vựa thu mua

tôm để bán, ông T trực tiếp nhận tiền bán tôm từ các chủ vựa rồi về đưa tiền lại cho chủ đầm tôm. Ông T xác định có bán tôm và nhận tiền bán tôm từ vựa thu mua tôm vào các ngày như lời trình bày của ông C và ông H. Ông T đã bán tôm cho ông C với số tiền là 288.470.000 đồng, bán tôm cho ông H với số tiền là 493.170.000 đồng nhưng ông T không có đưa lại cho ông C và ông H mà ông T đã sử dụng số tiền này để trả nợ người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày: Ông T1 là anh ruột của ông Trần Trung H và là em vợ của ông Trần Văn C. Nội dung mua bán tôm của ông C, ông H với ông H1, ông T, ông T1 biết được sự việc như sau: Vào các ngày 26, 29 và ngày 30 tháng 01 năm 2021, ông Trần Trung H có kêu ông T1 đi theo ông T (K) lên vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để ông T bán tôm cho ông H. Vào các ngày 23 và ngày 30 tháng 01 năm 2021, ông Trần Văn C có kêu ông T1 đi theo ông T (K) lên vựa thu mua tôm G1-D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để ông T bán tôm cho ông C. Do thời gian lâu quá nên ông T1 không nhớ đã bán được số lượng bao nhiêu nhưng có bông tính toán giữa ông T và vựa thu mua tôm G1-D1. Sau khi ông T nhận tiền bán tôm thì ông T đưa cho ông Nguyễn Văn H1 (H) tại nhà ông H1, ông H1 cùng ông T, ông C và ông H tính toán tiền thuê cào, thuê bình oxy...của ông H1, sau đó mới đưa tiền bán tôm còn lại cho ông C và ông H. Những lần ông X (con ông H1) và ông T (K) bán tôm cho ông T1 cũng theo phương thức như vậy. Ông T1 không có nhận tiền bán tôm trực tiếp từ ông T mà sau khi bán tôm tại vựa thu mua tôm thì các bên về nhà ông H1 để tính toán trừ tiền nhân công, tiền thuê cào, thuê bình oxy của ông H1, sau khi trừ tiền xong thì ông H1 mới đưa lại tiền bán tôm cho ông T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Trần Văn C và ông Trần Trung H cho rằng tại bản chính Phiếu tính tiền cào về tiền dịch vụ kéo cào và bán tôm vào ngày 25/02/2021 giữa ông Trần Trung H và ông Nguyễn Văn H1 thể hiện ông Nguyễn Văn H1 là người trực tiếp tính tiền cho ông H về tiền dịch vụ kéo cào và bán tôi của ông H1 với ông H. Ông Nguyễn Văn H1 trình bày cho rằng các dòng chữ viết trong bản chính Phiếu tính tiền cào do ông H cung cấp không phải do ông H1 viết. Vì vậy mà ông Trần Văn C và ông Trần Trung H yêu cầu giám định chữ viết trong bản chính Phiếu tính tiền nêu trên. Tại kết luận giám định số 4025/KL-KTHS ngày 16/8/2023 có nội dung xác định không đủ cơ sở kết luận chữ viết là đối tượng giám định với các chữ viết dùng làm mẫu so sánh là có phải hay không phải do cùng một người viết ra.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An căn cứ các vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải hoàn trả số tiền bán tôm còn nợ là 288.470.000 đồng và trả số tiền lãi chậm trả là 52.790.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải hoàn trả số tiền bán tôm còn nợ là 493.170.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 90.250.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn C và ông Trần Trung H phải chịu 1.500.000 đồng, ông C và ông H đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn C phải chịu là 17.063.000 đồng. Cho chuyển số tiền 8.531.500 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0011525 ngày 27/12/2022 sang thi hành án phí. Ông C còn phải nộp tiếp số tiền là 8.531.500 đồng.

Buộc ông Trần Trung H phải chịu là 27.337.000 đồng. Cho chuyển số tiền 13.669.000 đồng tạm ứng án phí do ông H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0011526 ngày 27/12/2022 sang thi hành án phí. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền là 13.668.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn ông C và ông H kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông C và ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đồng thời yêu cầu ông T (K) liên đới trả tiền.

Nguyên đơn ông C có lời trình bày: Từ năm 2014 ông C có quen biết ông H1 là người chuyên chở tôm thuê, ông H1 không phải là người mua tôm và bán tôm cho các chủ đầm tôm, ông H1 chở tôm đến chủ vựa tôm bán và nhận tiền về đưa cho các chủ đầm tôm. Sau đó X (C) là con ông H1 có nhận việc đi bán tôm cho các chủ đầm tôm, những lần trước đó thì ông C gọi điện cho X đến kéo tôm và bán tôm về giao tiền lại nhưng đến ngày 21, 22 thì T (người làm của X) là người đến bắt tôm đi bán sau đó về không giao tiền lại. Khi T đến bắt tôm không có biên nhận ghi số kí tôm, những lần giao dịch trước ông H1 về trả tiền lại, không có biên nhận và người chứng kiến. Do ông T là người làm của ông H1 chiếm đoạt số tiền bán tôm nên yêu cầu ông H1 phải trả số tiền trên. Ông T thừa nhận có nhận số tiền đã tiêu xài nên tại phiên tòa yêu cầu ông H1 và ông T liên đới trả số tiền 288.470.000 đồng và trả số tiền lãi chậm trả là 52.790.000 đồng.

Nguyên đơn ông H có lời trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông C, xác định ông H chỉ biết ông H1 và giao dịch với ông H1. T trước đây là người làm công cho X (con của ông H1). T vào kéo tôm bán nhiều lần sau đó ông H đến nhà ông H1 lấy tiền nhưng sau đó thì không thấy ông H1 trả tiền và được biết T đã chiếm số tiền bán tôm tiêu xài cá nhân. Trước đây ông H1 trả tiền

tôm giữa các bên không có biên nhận, chỉ có biên nhận tính tiền cào và thuê bình oxy của ông H1. Do T là người làm công của ông H1 đã chiếm đoạt số tiền khi đi bán tôm nên yêu cầu ông H1 và T liên đới trả số tiền bán tôm còn nợ là 493.170.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 90.250.000 đồng.

Bị đơn ông H1 có lời trình bày: Trước đây ông có ghe chở tôm hoạt động 07 hoặc 08 năm. Từ 06 đến 07 năm nay ông hoàn toàn không đứng ra mua tôm mà chỉ cho thuê xe cào tôm, bình oxy và xe chở tôm. Ông C và ông H giao dịch với T về việc đi bán tôm, giá cả do T liên hệ nơi mua tôm và báo cho ông C và ông H, ông H1 không phải là người chịu trách nhiệm trong việc mua bán tôm. Ngày ông T đến kéo tôm tại đầm tôm của ông C và ông H, khi chở tôm đến chợ B1 bán tôm vì sao có người nhà đi theo mà không nhận tiền để T nhận sau đó chiếm đoạt, ông H1 hoàn toàn không biết giá tôm, số lượng tôm và thành tiền là bao nhiêu nên việc yêu cầu ông H1 trả số tiền T chiếm đoạt là không phù hợp. Trước đây khi con ông là C1 (Xắc) có nhận bán tôm cho các đầm tôm thì T có đi theo phụ và C1 có trả tiền công, chỉ trả theo từng vụ việc. Sau đó C1 bị bệnh ngưng giao dịch thì T tự đứng ra giao dịch cho các chủ đầm tôm nhận đi bán tôm và có một số đầm tôm đến nay chi phí thuê xe cào và bình oxy vẫn còn nợ tiền của ông H1 chưa thanh toán. Vì vậy, ông không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông C và ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C và ông H có lời trình bày: Từ ngày 21 tháng 01 đến ngày 25 tháng 02 năm 2021 ông H có điện thoại cho ông H1 để kéo tôm 03 lần các ngày 21, 23, và 26. Tổng số tiền bán tôm của ông H 493.170.000 đồng, ông C 288.470.000 đồng. Qua diễn biến thể hiện ông H1 chuyên công việc kéo tôm, chở tôm và kêu anh em đến đầm tôm để giúp việc. Có thời gian thì X và T làm công việc này, T chở tôm đi bán và sau đó về đưa tiền cho ông H1 tính tiền xe, tiền công cụ kéo tôm, bình oxy sau đó trả lại cho chủ đầm tôm. Sự việc này kéo dài diễn ra từ trước đến nay và phù hợp với lời khai của T. Tại kết luận giám định là chưa đủ cơ sở kết luật chữ viết tại phiếu tính tiền là do ông H1 viết chứ không kết luận không phải của ông H1. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận ông H1 là chủ thầu phải chịu trách nhiệm trong trường hợp người làm thuê chiếm đoạt tiền bán tôm của ông C và ông H. Tại phiên tòa ông C và ông H yêu cầu ông H1 liên đới với ông T để trả số tiền cho ông C 288.470.000 đồng và tiền lãi 52.790.000 đồng, trả cho ông H số tiền 493.170.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 90.250.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông C và ông H trình bày ông T (K) đến đầm tôm của ông C và ông H để bắt tôm và cùng ông Trần Văn T1 lên vựa thu mua tôm G1 – D1 tại Chợ B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để cân bán.

Ông Oách Văn S là người trực tiếp thu mua tôm tại vựa thu mua tôm G1-D1 xác nhận ông Nguyễn Tấn T có đến trực tiếp bán tôm vào các ngày như sau: Ngày 23/01/2021 (664kg, thành tiền 190.670.000đồng); Ngày 26/01/2021 (722,3kg, thành tiền 193.850.000 đồng); Ngày 29/01/2021 (676,9kg, thành tiền 189.370.000 đồng); Ngày 30/01/2021 bán hai lần (lần 1: 439,4kg, thành tiền 109.950.000 đồng; lần 2: 359,9kg, thành tiền là 97.800.000đồng). Tất cả các lần giao dịch này ông S là người trực tiếp trả đủ tiền cho T, T là người trực tiếp nhận tiền, ông S xác định các hóa đơn (bông) tính tiền có ghi tên X (Nguyễn Minh C2 con ông H D) là do trước đây X và T thường đi bán tôm chung nên ông S thường ghi tên X, riêng các lần bán tôm nêu trên thì chỉ có T đi bán một mình nhưng ông S vẫn ghi tên X để dễ nhớ và tránh nhầm lẫn với các bạn hàng khác.

Ông T thừa nhận đã bán tôm cho ông C vào các ngày 23 và ngày 30 tháng 01 năm 2021 với tổng số tiền là 288.470.000 đồng. Ngày 26, 29 và ngày 30 tháng 01 năm 2021 bán tôm cho ông H với tổng số tiền là 493.170.000 đồng. Ông T đã nhận tiền bán tôm từ vựa thu mua tôm G1-D1 và T đã giữ lại tiền bán tôm của ông C và ông H để trả nợ, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân.

Như vậy, ông T là người trực tiếp thỏa thuận giá bán tôm, thực hiện công việc kéo tôm và chở tôm đi bán tại vựa thu mua tôm cho các chủ đầm nuôi tôm, đồng thời ông T trực tiếp nhận tiền bán tôm từ vựa thu mua tôm về thanh toán lại cho các chủ đầm tôm nhưng ông T đã chiếm giữ trái pháp luật số tiền bán tôm của ông C là 288.470.000 đồng và số tiền bán tôm của ông H là 493.170.000 đồng nên ông T là người có trách nhiệm phải hoàn trả cho ông C, ông H. Vì vậy ông C, ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 hoàn trả lại số tiền bán tôm nêu trên cùng tiền lãi chậm trả là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C và ông H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm 23/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông C và ông H kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn về toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản theo Điều 166 Bộ luật Dân sự là chưa đúng theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần xác định lại là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[4] Xét kháng cáo thấy rằng:

[4.1] Ông C yêu cầu ông H1 hoàn trả số tiền bán tôm còn nợ lại trong các ngày 23 tháng 01 năm 2021 là 190.670.000 đồng; ngày 30 tháng 01 năm 2021 là 97.800.000 đồng, tổng cộng là 288.470.000 đồng và trả số tiền lãi chậm trả là 52.790.000 đồng. Ông H yêu cầu ông H1 hoàn trả số tiền bán tôm còn nợ lại trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 là 193.850.000 đồng; ngày 29 tháng 01 năm 2021 là 189.370.000 đồng; ngày 30 tháng 01 năm 2021 là 109.950.000 đồng, tổng cộng là 493.170.000 đồng và số tiền lãi chậm trả là 90.250.000 đồng.

[4.2] Căn cứ để ông C, ông H yêu cầu ông H1 trả tiền là ông T là người làm thuê cho ông H1, ông C và ông H chỉ giao dịch với ông H1 nên ông H1 có nghĩa vụ trả số tiền do người làm công chiếm giữ trái phép là ông T.

[4.3] Ông H1 không đồng ý với yêu cầu của ông C và ông H vì ông H1 là người cho thuê bình oxy những dụng cụ liên quan đến việc bắt và vận chuyển tôm. Sau đó chủ đầm tôm có nghĩa vụ trả tiền cho những chi phí trên, những trường hợp nào chủ đầm tôm nhờ ông bán tôm thì ông chịu trách nhiệm bán tôm và sau đó giao tiền lại cho chủ đầm tôm, trước đây con ông là C2 (Xắc) có làm công việc này và có T theo phụ nhưng sau này C2 bị bệnh nên ngưng việc giao dịch bán tôm. Việc T đến bắt tôm của ông C và ông H sau đó mang đi bán có chủ đầm tôm theo là trách nhiệm của T và các chủ đầm tôm, không liên quan đến ông H1. Ông H1 không có tư cách pháp nhân trong việc mua bán tôm và không có ký hợp đồng lao động trả tiền công cho người làm thuê, cụ thể T không phải là người làm thuê cho ông H1. Trước đây Cang con ông H1 nếu có vụ nào thì thuê theo vụ đó và trả tiền theo từng vụ việc.

[4.4] Căn cứ vào lời khai của ông T tại phiên tòa xác định ông C2 (tên thường gọi X) là người bán tôm mướn cho các chủ đầm nuôi tôm. Khi các chủ đầm tôm có nhu cầu bán tôm thì kêu ông X (C3), ông X (C3) thuê cào tôm, thùng chở tôm của ông H1 (H D) và kêu người vào kéo tôm, bắt tôm chở đến bán tại các vựa thu mua tôm và X nhận tiền bán tôm từ các vựa thu mua tôm để thanh toán tiền lại cho các chủ đầm nuôi tôm. Đến khi ông X bị bệnh nghỉ đi bán tôm thì ông T là người đi bán tôm mướn cho các chủ đầm tôm cũng theo phương thức như trên và chủ đầm tôm là người trả tiền công bán tôm cho ông T.

[4.5] Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đối với người làm chứng là ông Trần Văn T3, ông T3 khai như sau: “Tôi không có quan hệ gì với ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn T2, cũng không có mâu thuẫn với nhau. Do quan hệ làm ăn, tôi là người chăn nuôi tôm, ông H1 là người cho thuê cào tôm, thùng chở tôm nên ông H1 có quan hệ làm ăn quen biết với các vựa thu mua tôm. Trong quá trình làm ăn nuôi tôm thì tôi gọi điện thoại cho ông H1 (H D) và nói với ông H1 là tôi cần bao nhiêu thùng chở tôm để kéo tôm bán thì ông H1 cho người mang thùng, cào tôm vào kéo tôm, trong những lần đó thì có ông Nguyễn Văn T2 (K) vào kéo bắt tôm và ông T2 trực tiếp mang đến vựa thu mua tôm để bán tôm, nhận tiền bán tôm từ chủ vựa thu mua, ông T2 mang tiền về đưa lại cho ông H1, ông H1 gọi tôi ra tính tiền thuê nhân công, thuê cào, thùng chở tôm, sau đó thì ông H1 đưa lại tiền tôm cho tôi, phương thức làm ăn như trên diễn ra nhiều năm, có những

lần ông X (con ông H1) bán tôm cho tôi cũng theo phương thức như vậy. Tuy nhiên vào ngày 19 tháng 12 năm 2020, ông T2 bắt tôm mang qua vựa thu mua tôm Tư Đẹp ở thị trấn C, huyện C cân bán được 452,5 kg thành tiền là 89.140.000 đồng, sau khi nhận tiền thì T2 gọi điện thoại cho tôi để xin mượn tiền vài ngày để đáo hạn ngân hàng nhưng đến nay thì T2 không trả".

[4.6] Ông Nguyễn Tấn T (tên thường gọi là K) tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cũng như tại phiên tòa ông T thừa nhận ông T đã bán tôm cho ông C vào các ngày 23 và ngày 30 tháng 01 năm 2021 với tổng số tiền là 288.470.000 đồng. Ngày 26, 29 và ngày 30 tháng 01 năm 2021 bán tôm cho ông Trần Trung H với tổng số tiền là 493.170.000 đồng. Ông T đã nhận tiền bán tôm từ vựa thu mua tôm G1-D1 và T đã giữ lại tiền bán tôm của ông C và ông H để trả nợ cho ông Lê Hoàng A và ông Nguyễn Thanh S1, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân. Qua đó có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Tấn T đã chiếm giữ trái pháp luật số tiền bán tôm của ông C là 288.470.000 đồng, tiền bán tôm của ông H là 493.170.000 đồng.

[5] Từ đó có đủ căn cứ để xác định ông T là người trực tiếp thỏa thuận giá bán tôm, thực hiện công việc kéo tôm và chở tôm đi bán tại vựa thu mua tôm cho các chủ đầm nuôi tôm, đồng thời ông T trực tiếp nhận tiền bán tôm từ vựa thu mua tôm về thanh toán lại cho các chủ đầm tôm theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó lời khai của ông T, ông H1 xác định ông T là người bán tôm mướn cho các chủ đầm tôm và chủ đầm tôm trả công cho ông T là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ nêu trên, không có chứng cứ thể hiện ông T là người ông H1 thuê đi bán tôm cho ông H1 như lời trình bày của ông C, ông H.

[6] Do ông T thừa nhận đã chiếm giữ trái pháp luật số tiền bán tôm của ông C là 288.470.000 đồng và số tiền bán tôm của ông H là 493.170.000 đồng nên ông T là người có trách nhiệm phải hoàn trả cho ông C, ông H. Vì vậy ông C, ông H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 hoàn trả lại số tiền bán tôm nêu trên cùng tiền lãi chậm trả là không có căn cứ để chấp nhận.

[7] Tại phiên Tòa ông H và ông C yêu cầu ông H1 và T liên đới trả số tiền trên, đây là yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu chỉ yêu cầu bị đơn là ông H1 nên cấp phúc thẩm không xem xét. Ông H và ông C có quyền khởi kiện bị đơn khác theo quy định pháp luật.

[8] Từ nhận định mục [4] không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông C và ông H. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về quan hệ tranh chấp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông C và ông H phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C và ông Trần Trung H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về quan hệ tranh chấp.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn C yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền bán tôm còn nợ là 288.470.000 (hai trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng và trả số tiền lãi chậm trả là 52.790.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung H yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền bán tôm còn nợ là 493.170.000 (bốn trăm chín mươi ba triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng và số tiền lãi chậm trả là 90.250.000 (chín mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn C và ông Trần Trung H phải chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, ông C và ông H đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn C phải chịu án phí là 17.063.000 (mười bảy triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Cho chuyển 8.531.500 (tám triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0011525 ngày 27 tháng 12 năm 2022 sang thi hành án phí. Ông Trần Văn C còn phải nộp tiếp số tiền là 8.531.500 (tám triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm) đồng.

Buộc ông Trần Trung H phải 27.337.000 (hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm) đồng. Cho chuyển 13.669.000 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do ông H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0011526 ngày 27/12/2022 sang thi hành án phí. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền là 13.668.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Văn C và ông Trần Trung H mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0011225 và

0011224 cùng ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

6. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền